



Áo anh rách vai  
Quần tôi có vài mảnh vá  
Miệng cười buồm giá  
Chân không giày  
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

Đêm nay rừng hoang sương muối  
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới  
Đầu súng trăng treo.

1948

(Trích Đồng chí - Chính Hữu, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, tr.128)

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT****THỰC HIỆN BỞI BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM**

<b>1.B</b>	<b>2.A</b>	<b>3.D</b>	<b>4.C</b>
------------	------------	------------	------------

**I. TRẮC NGHIỆM:****Câu 1:****Phương pháp:**

Căn cứ bài Làng.

**Cách giải:**

Đoạn trích trên thuộc văn bản Làng.

**Chọn B.****Câu 2:****Phương pháp:**

Căn cứ các phương thức biểu đạt đã học.

**Cách giải:**

Phương thức biểu đạt chính: tự sự.

**Chọn A.****Câu 3:****Phương pháp:**

Căn cứ bài từ láy.

**Cách giải:**

“Ngẫm nghĩ” không phải từ láy.

**Chọn D.****Câu 4:****Phương pháp:**

Căn cứ các thành phần câu.

**Cách giải:**

“Ở đây” là trạng ngữ.

**Chọn C.****I. LÀM VĂN:****Câu 1:****Phương pháp:**

Phân tích, tổng hợp.

**Cách giải:**

Học sinh trình bày dưới dạng một đoạn văn, đảm bảo nội dung theo yêu cầu. Có sử dụng câu hỏi tu từ, gạch chân dưới câu hỏi tu từ đó.

a. Giới thiệu vấn đề nghị luận: Sự cần thiết phải có tính tự lập.

b. Bàn luận:

\* Giải thích: Tính tự lập là việc con người tự mình thực hiện các công việc mà không dựa dẫm hay ỷ lại vào người khác.

- Sự cần thiết của tính tự lập:

+ Chủ động hơn trong cuộc sống, tự lập kế hoạch, định hướng cho bản thân mình.

+ Chủ động vượt qua những khó khăn trong cuộc sống.

+ Rèn luyện tốt hơn khả năng tư duy sáng tạo.

+ Khẳng định bản thân, nhận ra giá trị bản thân.

c. Bàn luận mở rộng:

+ Phê phán những người có thói quen ỷ lại, dựa dẫm vào người khác.

+ Đôi khi trong cuộc sống để có thể vượt qua những khó khăn con người cũng cần đến sự giúp đỡ của những người xung quanh. Tự lập không phải cự tuyệt mọi sự giúp đỡ.

d. Liên hệ bản thân.

## **Câu 2:**

### **Phương pháp:**

Phân tích, tổng hợp.

### **Cách giải:**

#### **1. Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả Chính Hữu.

- Giới thiệu tác phẩm Đồng chí.

- Nêu vấn đề nghị luận: Vẻ đẹp của tình đồng chí.

#### **2. Thân bài:**

\* Vị trí đoạn trích: Đoạn trích nằm ở phần cuối của tác phẩm sau khi khái quát cơ sở hình thành tình đồng chí.

a. Vẻ đẹp của tình đồng chí được thể hiện thông qua sự chia sẻ, thấu hiểu nhau.

– Biểu hiện đầu tiên của tình đồng chí là thấu hiểu những tâm tư thầm kín của nhau:

+ Người lính lên đường ra trận quyết tâm để lại sau lưng những gì quý giá, thân thuộc nhất:

“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay”

Hai chữ “mặc kệ” thể hiện sự quyết tâm dứt khoát ra đi nhưng đó không phải là phó mặc bởi hình ảnh quê hương, ruộng nương thiếu người chăm sóc, ngôi nhà xiêu vẹo trước gió vẫn hiển hiện đã diễn tả tình cảm thiết tha của họ với gia đình. Nhưng những tình cảm đó phải dồn sâu, nén chặt vào lòng. Với người nông dân, gian nhà, ruộng vườn là cơ nghiệp cả đời gìn giữ. Để cả cơ nghiệp của mình hoang trống mà ra đi, biết người thân ở lại trống trải nhưng cũng “mặc kệ: thì đó quả là sự hi sinh lớn lao.

+ Hình ảnh nhân hóa, hoán dụ trong câu thơ “Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính” không chỉ gợi về quê hương, về hậu phương của người lính, ý thơ nói về quê hương nhớ người lính mà ta như thấy được nỗi nhớ của người lính dành cho quê hương, đó là nỗi nhớ hai chiều

=> Như vậy, đồng chí tức là sự cảm thông sâu xa cho những nỗi niềm tâm tư thầm kín của nhau.

– Biểu hiện thứ hai của tình đồng chí là: cùng nhau chia sẻ mọi gian lao, thiếu thốn trong cuộc đời người lính

“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh

Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi

Áo anh rách vai,

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày”

Những câu thơ miêu tả hiện thực, thực tới từng chi tiết. Đó là những cơn sốt rét rừng hành hạ không thuốc thang. Đó là đói rét, chân không giày, đầu không mũ, áo một manh. Đó là sương muối tê buốt như cắt da cắt thịt. Đây là hoàn cảnh chung của bộ đội ta trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp. Tác giả đã xây dựng những câu thơ sóng đôi, đối ứng nhau trong từng cặp, từng câu. Đáng chú ý là người lính bao giờ cũng nhìn bạn, nói về bạn trước khi nói về mình, chữ “anh” bao giờ cũng xuất hiện trước chữ “tôi”, điều đó thể hiện sự yêu thương, trân trọng giữa những người lính với nhau.

– Sức mạnh của tình đồng đội đã giúp những người lính vượt qua những thử thách ấy. Họ quên mình để động viên nhau, truyền cho nhau hơi ấm. Đó là những nụ cười: “Miệng cười buốt giá”, là “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”. Họ đã quên đi sự giá lạnh của bản thân mà mỉm cười để sưởi ấm cho tâm hồn của những người đồng đội. Đó là những cái nắm tay biết nói của tình yêu thương để truyền cho nhau nghị lực và sức mạnh. Trong suốt cuộc kháng chiến trường kì đầy gian lao vất vả ấy, tình cảm đồng chí đã đi vào chiều sâu của sự sống và tâm hồn người chiến sĩ để trở thành những kỉ niệm không bao giờ quên.

-> Câu thơ không chỉ nói lên tình cảm gắn bó sâu nặng của những người lính mà còn thể hiện sức mạnh của tình cảm ấy. Bài thơ “Đồng chí” không rục rờ chiến công mà rục rờ tình đồng đội ấm nồng khiến họ có thể sống và làm nên bao chiến công hiển hách.

b. Về đẹp của tình đồng chí được thể hiện qua hình ảnh biểu tượng đẹp, giàu chất thơ.

– Câu thơ thứ nhất đã miêu tả rất chân thực hoàn cảnh chiến đấu khắc nghiệt của người lính:

“Đêm nay rừng hoang sương muối”

Không gian hùng vĩ, hoang vu "rừng hoang sương muối", thời gian gian khó mùa đông ở Việt Bắc sương muối phủ đầy trời. Trên cái nền thiên nhiên vừa hùng vĩ, vừa khắc nghiệt ấy, tình đồng chí được tôi luyện trong thử thách gian lao, trong nhiệm vụ sinh tử. Cũng chính ở cái nơi mà sự sống, cái chết chỉ kề nhau trong tích tắc ấy tình đồng chí càng trở nên thiêng liêng, cao đẹp.

– Câu thơ thứ hai đã khắc họa tư thế chiến đấu của những người lính: “Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới” Những người lính sát cánh bên nhau “đứng cạnh bên nhau” – có tình đồng chí, đồng đội, người. Họ tạo ra tư thế thành đồng vách sắt lính ở trong tư thế chủ động, mạnh mẽ “chờ giặc tới”. Hình ảnh đôi bạn chiến đấu

đứng cạnh nhau vững chãi làm mờ đi cái gian khổ khắc nghiệt của cuộc chiến tạo nên tư thế thành đồng vách sắt trước quân thù. Hai câu thơ đối nhau rất cân chỉnh, đối lập giữa khung cảnh lạnh lẽo, buốt giá nơi rừng hoang và tình cảm ấm nồng giữa những người lính.

– Hình ảnh “đầu súng trăng treo” kết thúc bài thơ là điểm nhấn của khổ 3 cũng là điểm sáng của toàn bài. Hình ảnh này vừa có ý nghĩa thực, vừa có ý nghĩa biểu tượng.

+ Nghĩa thực: như Chính Hữu từng tâm sự, trong đêm phục kích chờ giặc, ông chỉ có những người bạn chiến đấu, khẩu súng và vầng trăng, Trời về khuya, có lúc nhìn lên, trăng như treo đầu ngọn súng. Từ thực tế đó, ông đã viết nên hình ảnh “đầu súng mảnh trăng treo”, sau này cắt bớt chữ “mảnh” thành “đầu súng trăng treo”

+ Nghĩa biểu tượng: nhịp thơ 2/2 kết thúc bằng thanh bằng khiến ta liên tưởng 1 cái gì đó không bị buộc chặt mà chung chiêng, bát ngát, vang xa. Súng là hình ảnh của chiến tranh khói lửa, trăng là hình ảnh của thiên nhiên trong mát, cuộc sống thanh bình. Sự hòa hợp của trăng và súng toát lên vẻ đẹp tâm hồn của người lính và tình đồng chí của họ, vừa nói lên ý nghĩa cao cả của cuộc chiến tranh yêu nước: Người lính cầm súng là để bảo vệ 4 cho độc lập, tự do của đất nước. Trăng và súng là gần và xa, là chiến sĩ và thi sĩ, là hiện thực và lãng mạn. Tất cả hòa quyện tạo nên vẻ đẹp của người lính, đời lính.

c. Đánh giá:

- Chỉ với 3 câu thơ, biểu hiện đẹp nhất của tình đồng chí, đồng đội, của cuộc đời người chiến sĩ đã được kết lại.

- Lối miêu tả chân thực, tự nhiên; từ ngữ, hình ảnh giản dị và giàu sức gợi, cảm xúc dồn nén.

**3. Kết bài:** Khái quát lại vấn đề nghị luận.